

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Túc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Như Quỳnh

Bà Phạm Thị Dân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tùng Trú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Đinh Trọng Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST- HN&GĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn - Tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1990, trú tại: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lường Văn S, sinh năm 1984, trú tại: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/4/2018 chị Lường Thị T, sinh năm 1990, trú tại: Xóm N xã Y huyện Đ tỉnh Hòa Bình, nộp đơn xin ly hôn với anh Lường Văn S, sinh năm 1984 cùng trú tại: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình với nội dung: Năm 2009 chị Lường Thị T và anh Lường Văn S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện M tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc được 1-2

năm thì nảy sinh mâu thuẫn, xuất phát từ mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu; chị T đã nói chuyện với chồng về việc này nhưng anh S không có cách gì giải quyết. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, chị T cho rằng chồng mình sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không bảo vệ được hạnh phúc gia đình; khi kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị đi làm ăn xa nhà anh S không nhất trí vì thế mà mâu thuẫn gia đình ngày càng gay gắt. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm thăm hỏi nhau nữa, nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn S có một con chung là Lương Duy M, sinh ngày 16/11/2012, chị T đồng ý với yêu cầu của anh S là giao con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ và hòa giải anh S xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và nguyên nhân chính xuất phát từ việc mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu mà bản thân anh không thể đứng ra dàn xếp được, bên cạnh đó kinh tế gia đình khó khăn, vợ phải đi làm ăn xa nhà, từ đó mâu thuẫn trong gia đình càng trở nên gay gắt hơn. Hiện tại chị T bỏ nhà đi làm ăn xa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Bản thân anh chưa đồng ý ly hôn mà mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung anh Lương Văn S đề nghị được nuôi con chung, vì khi vợ chồng sống ly thân anh và gia đình anh đã nuôi dưỡng, chăm sóc cháu tốt và yêu cầu chị Lương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh S đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh S.

Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Cần ghi nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên hòa giải và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa đó là giao con chung cho anh S nuôi dưỡng, chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S là hợp tình, hợp lý, phù hợp với pháp luật.

Về án phí : Căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 16/11/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; qua thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đương sự, của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lương Văn S có nơi đăng ký thường trú tại và nơi ở hiện tại: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh H; Nguyên đơn chị Lương Thị T là người có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình; như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành điều tra, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, tổng đạt hợp lệ các giấy tờ về thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đã ra quyết định xét xử vụ án và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Ngày 10/08/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Hòa Bình đã mở phiên tòa xét xử vụ án theo quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã triệu tập hợp lệ. Như vậy việc xét xử ly hôn vắng mặt bị đơn trong vụ án đảm bảo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn S kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình; việc kết hôn do hai bên tự nguyện, vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu rồi phát sinh mâu thuẫn, đến nay đã sống ly thân được gần hai năm không ai còn quan tâm thăm hỏi nhau. Thực trạng hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn S được xác định là hôn nhân hợp pháp, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được xác định do xuất phát từ mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, bản thân anh S không mong muốn ly hôn nhưng trên thực tế anh không tích cực trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, để cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến chị T phải bỏ nhà đi làm ăn xa; đã hai năm nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì lý do đó, hôn nhân giữa vợ và chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy thấy căn cứ quy định tại

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Lường Văn S là hợp tình, hợp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Cần ghi nhận sự thuận của các đương sự khi tiến hành hòa giải và đề nghị của nguyên đơn tại phiên tòa, đó là giao con Lường Duy M sinh ngày 16/11/2012 cho anh Lường Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Lường Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S với mức cấp dưỡng là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn chị Lường Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn với anh Lường Văn S.

2. Về con chung: Giao con Lường Duy M, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2012 cho anh Lường Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lường Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Lường Văn S mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); kể từ tháng 01/09/2018 cho đến khi cháu Lường Duy M đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có; các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lường Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, cộng là 600.000đ. Chị T được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0004928 ngày 15/15/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện Đ tỉnh Hòa Bình; còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Đ
- THADS h.Đ
- UBND xã T, h.M
- UBND xã Y, h.Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Túc